TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/KDTM-ST
Ngày: 28-11-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

2. Ông Hoàng Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2019/TLST-KDTM ngày 11 tháng 4 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2019/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2019/QĐ-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại Cổ phần B**.

Địa chỉ: Số 35 Hàng V, Phường T, Quận K, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại Cổ phần (TMCP)B là người đại diện theo pháp luật; ông Nguyễn Thành P, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28-10-2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP B; người được ủy quyền lại gồm: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Quảng Ngãi, theo văn bản ủy quyền lại số 2534/UQ-BIDV.QN ngày 29-11-2018. Ông Nguyễn Văn H có mặt.

Địa chỉ chi nhánh: Số 56 đường V, thành phố QNg, tỉnh Q.

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần P**.

Địa chỉ trụ sở: Lô 23, khu công nghiệp Q, phường P, thành phố QNg, tỉnh Q

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thanh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật. Ông Lê Thanh B vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh Bao bì V.**

Địa chỉ: Lô 23, khu công nghiệp Q, phường P, thành phố QNg, tỉnh Q

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Văn Q, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Phạm N, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Ông Trương Văn Q ủy quyền cho ông Phạm N. Ông N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2019, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần B (sau đây gọi tắc là Ngân hàng) trình bày:

1. Theo đề nghị của Công ty Cổ phần P (sau đây gọi tắc là Công ty P), ngày 20/6/2016 giữa Ngân hàng và Công ty P đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/4428233/HĐTD cấp hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền 2.800.000.000đồng, mục đích để Công ty P bổ sung vốn lưu động. Thực hiện theo hợp đồng tín dụng hạn mức nêu trên Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty P 10 lần thể hiện tại các Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể, với tổng số tiền gốc cho vay là 1.963.171.210 đồng, cụ thể như sau:

1.1. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 10-11-2016: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 420.633.910 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 8,4%/năm, mục đích vay: để trả tiền mua hạt nhựa, trả tiền mua giấy. Bị đơn đã trả được tổng cộng gốc lãi là 117.838.073 đồng, trong đó: tiền gốc 96.949.260 đồng, tiền lãi 20.992.199 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019, bị đơn còn nợ tổng tiền gốc và lãi 427.297.267 đồng; trong đó: nợ tiền gốc 323.714.650 đồng, nợ lãi trong hạn 1.374.169đồng, nợ lãi quá hạn 102.208.448 đồng.

1.2. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 15-11-2016: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 270.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 8,4%/năm, mục đích vay: để trả tiền mua hạt nhựa. Bị đơn đã trả được tiền lãi 14.049.000 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019, bị đơn còn nợ tổng tiền gốc và lãi 356.026.500đồng; trong đó: gốc 270.000.000 đồng, lãi trong hạn 1.323.000 đồng, lãi quá hạn 84.703.500 đồng.

1.3. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 21-11-2016: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 186.432.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 8,4%/năm, mục đích vay: để

trả tiền mua hạt nhựa, trả tiền mua mực in. Bị đơn đã trả được 9.439.674 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 28-11-2019, bị đơn còn nợ tổng tiền gốc và lãi 245.745.340 đồng; trong đó: tiền gốc 186.432.000 đồng, lãi trong hạn: 1.087.520 đồng, lãi quá hạn: 58.225.821 đồng.

1.4. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 25-11-2016: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 230.832.822 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 7,8%/năm, mục đích vay: để trả tiền mua hạt nhựa, trả tiền mua giấy, trả tiền mua điện. Bị đơn đã trả được tiền lãi: 10.652.935đồng.Tính đến ngày 28-11-2019, còn nợ tổng tiền gốc và lãi 298.926.581 đồng; trong đó nợ gốc: 230.832.822 đồng, lãi trong hạn: 1.450.399 đồng, lãi quá hạn: 66.643.359 đồng.

1.5. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể (Hợp đồng tín dụng cụ thể) ngày 02-12-2016: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 265.000.00 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 7.8%/năm, mục đích vay: để trả tiền mua hạt nhựa. Bị đơn đã trả được tiền lãi: 11.827.833 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019, bị đơn còn nợ tổng tiền gốc và lãi 342.943.125 đồng; trong đó: nợ gốc: 265.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.124.416 đồng, lãi quá hạn: 75.818.709 đồng.

1.6. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 20-12-2016: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 144.970.822 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 7.8%/năm, mục đích vay: trả tiền mua điện, trả tiền mua xăng dầu. Bị đơn đã trả được tiền lãi: 5.905.145 đồng.Tính đến ngày 28-11-2019, bị đơn còn nợ tổng tiền gốc và lãi 187.311.967 đồng; trong đó: nợ gốc: 144.970.822 đồng, lãi trong hạn: 848.080đồng, lãi quá hạn: 41.493.065 đồng.

1.7. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 10-01-2017: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 85.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 7.8%/năm, mục đích vay: để trả tiền mua hạt nhựa. Bị đơn đã trả được tiền lãi: 3.075.583 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019, còn nợ tổng tiền gốc và lãi 109.632.292 đồng; trong đó nợ gốc 85.000.000 đồng, nợ tiền lãi trong hạn: 884.000 đồng, lãi quá hạn: 23.748.292 đồng.

1.8. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 24-01-2017: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 236.000.00 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 8,4%/năm, mục đích vay: để trả tiền mua hạt nhựa, trả tiền mua hạt. Bị đơn đã trả được tiền lãi: 8.425.200 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019, còn nợ tổng tiền gốc và lãi: 309.266.200đồng; trong đó nợ gốc: 236.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.414.133 đồng, lãi quá hạn: 69.852.067 đồng.

1.9. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 24-4-2017: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 66.295.160 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 8,516%/năm, mục đích vay: trả tiền mua xăng dầu, trả tiền mua vòng bi. Bị đơn đã trả được tiền lãi:

1.423.025 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019, còn nợ tổng tiền gốc và lãi 85.722.540 đồng; trong đó nợ gốc: 66.295.160 đồng, lãi trong hạn: 958.995 đồng, lãi quá hạn: 18.468.386 đồng.

1.10. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 26-4-2017: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 57.976.496 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 8,516%/năm, mục đích vay: trả tiền mua điện tháng 4-2017, trả tiền mua bảng in. Bị đơn đã trả được tiền lãi: 825.134 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019, còn nợ tổng tiền gốc và lãi 75.351.658 đồng; trong đó nợ gốc: 57.976.496 đồng, lãi trong hạn: 1.244.465 đồng, lãi quá hạn: 16.130.697đồng.

Như vậy, tính đến hết ngày 28-11-2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi của 10 lần nhận nợ theo các Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể nêu trên là 2.438.223.470 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.866.221.950 đồng; nợ lãi: 572.001.520 đồng (gồm: lãi trong hạn là 14.709.177 đồng; lãi quá hạn là 557.292.344 đồng).

2. Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo khoản vay, Công ty P đã thế chấp các thiết bị, máy móc theo 03 hợp đồng thế chấp, như sau:

2.1. *Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2012/HĐ ngày 17-4-2012,* bị đơn thế chấp các máy móc, thiết bị, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09-5-2012 tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại thành phố Đà Nẵng, gồm:

01 Hệ thống gia công cải tạo máy dập sóng đáy thành mặt; 01 máy cột dây PE; 01 máy cắt giấy bìa; 01 máy nén khí Fusin; 01 lò hơi 2500Kg/h-8at; 01 máy cán lằn 6 trục khổ 1,7m; 01 đường ống dẫn hơi và nước hồi lưu; 01 máy thổi bao HD PE; 01 máy nén khí 5,5Kw; 01 máy ó tái sinh nhựa 2 cấp; 01 nồi nấu trộn nguyên liệu; 01 máy may; 01 máy nén khí (Japan); 01 máy in 6 màu; 01 máy cắt khổ 1,15m; 01 bộ servo máy cắt may tự động; 01 máy chiếu PT-LB1EA.

2.2. *Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐ ngày 11-10-2013*, thiết bị, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29-10-2013 tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại thành phố Đà Nẵng: 01 bộ dây chuyền nắp liên hợp, gồm: Bộ máy dập nắp SY-30BY (Huang Guam), bộ máy xếp nắp SY-200 (Huang Guam), bộ máy ép miếng nhựa SD-280A (Huang Guam); 01 bộ khuôn nắp cao (1 ra 16); 02 bộ máy cắt nắp HG-28 (Mega).

2.3. *Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐ ngày 06-9-2014*, đã thế chấp các thiết bị, máy móc, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào 08-9-2014 tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại thành phố Đà Nẵng, gồm: 01 bộ dây chuyền sản xuất carton 3 lớp, 5 lớp hơi nước; 02 bộ máy cán lằn 2m50; 01 bộ máy 4 dao chặt khe; 01 bộ máy quậy hồ; 05 bộ nâng giấy cuộn thủy lực; 01 cây lô sóng TQ Ø 265-280 khổ 1m70 chạy 1m65 sóng B 2.8mm + 2 nhông thép; 01 cây lô láng Ø 320 mài mạ crom cứng; 01 cây lô hồ

đầu máy ống trong Ø 245 cán nhám khổ 1m70; 01 cây lô hồ đầu máy ngoài Ø 125 khổ 1m70; 02 cây nhôm đầu máy 1m70 (hút chân không); 01 hệ thống lò hơi 1.200kg/h-08at và đường ống dẫn hơi; 01 máy chỉ; 12 máy dệt; 01 máy ép bành bao PP, hiệu YAOTA; 01 bộ máy thổi PE; 01 máy thổi túi HDPA; 02 bộ xấy phụ Ø 660-710 dài 1m70 + thanh sắt 10 ly + 2 ống Ø 90 dài 1m70 + bạc đạn; 01 bộ máy thổi bình 5 gallon – Trung quốc gồm: 01 máy sấy khô, 01 bộ máy nén khí, 01 bộ khuôn thổi bình 5 gallon, 01 cái đầu lọc khí; 01 bộ khuôn thổi bình 5 gallon lõm Việt Nam; 01 bộ khuôn két thạch bích 20chai – TQ; 01 máy cán màng nước; 01 xe nâng hàng hiệu Mitsubishi FD30; 01 xe nâng hàng hiệu Mitsubishi FD25; 01 máy làm lạnh nước – nước giải nhiệt KLSW-40S.

Hiện nay, tất cả tài sản thế chấp nêu trên để tại Lô 23, Khu công nghiệp Quảng Phú do Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh Bao bì V quản lý mặt bằng.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã 10 lần giải ngân cho bị đơn. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay, bị đơn mới trả được cho Ngân hàng tổng cộng: 183.564.988 đồng; trong đó: tiền gốc 96.949.260 và tiền lãi 86.615.728 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần, đôn đốc, nhắc nhở, yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận hai bên đã ký kết nhưng bị đơn vẫn không thực hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện: Đối với 03 tài sản thế chấp gồm 01 Máy chiếu PT-LB1EA, 01 hệ thống lò hơi 1.200kg/g-08at và đường ống dẫn hơi, 01 xe nâng hàng, hiệu Mitsubishi FD25 khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thì 03 tài sản này không còn nên Ngân hàng không yêu cầu xử lý đối với 03 tài sản thế chấp này.

Đối với 03 thiết bị, máy móc gồm: 01 máy thổi bao HDPE, 01 máy thổi bao PE, 01 máy thổi túi HDPA tại thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06-6-2019 thì Công ty V có đưa vào sử dụng hoạt động, đây là tài sản do Công ty P thế chấp cho Ngân hàng nên Ngân hàng đề nghị Công ty V không được sử dụng những máy móc thiết bị này và Công ty V đã cho dừng hoạt động các máy móc, thiết bị nêu trên. Trong quá trình đưa vào sử dụng 03 máy móc thiết bị này, Công ty V không làm mất mác, hư hỏng gì.

Nay, Ngân hàng TMCP B yêu cầu giải quyết buộc Công ty Cổ phần P phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần B tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-11-2019) là 2.438.223.470 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.866.221.950 đồng; nợ lãi: 572.001.520 đồng (gồm: lãi trong hạn là 14.709.177 đồng; lãi quá hạn là 557.292.344 đồng).

Kể từ ngày 29-11-2019, Ngân hàng yêu cầu Công ty Cổ phần P còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP B theo mức lãi suất được các bên thoả thuận tại các Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể (Hợp đồng tín dụng cụ thể) ngày 10-11-2016; ngày 15-11-2016; ngày 21-11-2016; ngày 25-11-2016; ngày 02-12-2016; ngày 20-12-2016; ngày 10-01-2017; ngày 24-01-2017; ngày 24-4-2017; ngày 26-4-2017.

Trường hợp Công ty Cổ phần P không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại giai đoạn thi hành án để Ngân hàng thu hồi nợ theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2012/HĐ ngày 17-4-2012; Hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐ ngày 11-10-2013; Hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐ ngày 06-9-2014 đã được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty P.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần B cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu không có thỏa thuận khác.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa: Bị đơn không có văn bản trình bày và vắng mặt 02 lần tại phiên tòa. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng có liên quan theo quy định của pháp luật để bị đơn biết nhưng bị đơn không có văn bản phản hồi ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng và thủ tục tố tụng của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh Bao bì V (sau đây gọi tắt là Công ty V) trình bày:

Trước đây, mặt bằng tại Lô 23 Khu công nghiệp Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi là trụ sở làm việc của Công ty P nhưng sau đó, Công ty P không thuê nữa nên từ ngày 28-8-2018, Công ty V mua lại toàn bộ tài sản có trên đất tại Lô 23, khu công nghiệp Quảng Phú của Công ty P, trừ những tài sản Công ty P đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP B. Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất đồng ý cấp dự án đầu tư cho Công ty V và Công ty V tiến hành thuê lại mặt bằng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đầu tư xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi theo Hợp đồng thuê lại đất, thuê hạ tầng trong khu công nghiệp số: 12/2018/HĐTLĐ ngày 17-10-2018.

Ngày 27-8-2018, giữa Công ty V (nguyên trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn Mai Biển) và Công ty P có lập hợp đồng mua bán một số máy móc, tài sản mà Công ty P đã thế chấp cho Ngân hàng với số tiền 2.750.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận: Công ty V sẽ chuyển trả cho Ngân hàng số tiền Công ty P hiện còn nợ Ngân hàng là 1.800.000.000 đồng, số tiền còn lại Công ty V chuyển vào tài khoản Việt Phú. Công ty V đã trả cho Công ty P số tiền 700.000.000đồng, còn số tiền 1.800.000.000 đồng Công ty V hứa chuyển trả cho Ngân hàng nhưng Công ty V không chuyển nguyên nhân do Công ty P không cung cấp được hóa đơn của những thiết bị máy móc hai bên đã thỏa thuận mua bán nên Công ty V không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán với Công ty P. Đối với số tiền 700.000.000đồng, Công ty V đã chuyển cho Công ty P thì Công ty V xem như cho Công ty P mượn và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết gì đối với số tiền 700.000.000đồng trong cùng vụ án này.

Đối với 03 thiết bị, máy móc gồm: 01 máy thổi bao HDPE, 01 máy thổi bao PE, 01 máy thổi túi HDPA tại thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06-6-2019 thì Công ty V có đưa vào sử dụng hoạt động, trong

quá trình đưa vào sử dụng thì Công ty V không có sửa chữa, thay đổi gì đối với 03 máy này. Theo thông báo của Ngân hàng tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ thì đây là tài sản do Công ty P thế chấp cho Ngân hàng nên Công ty V không được sử dụng. Hiện nay, Công ty V đã cho dừng hoạt động các máy móc, thiết bị nêu trên.

Nay, Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu buộc Công ty P phải trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, trường hợp Công ty P không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì Công ty V đồng ý giao các tài sản mà Công ty P đã thế chấp cho Ngân hàng (hiện đang để tại Lô 23, Khu công nghiệp Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi). Đồng thời, đề nghị Ngân hàng sớm giải quyết, xử lý di dời đối với các tài sản của Công ty P đã thế chấp để Công ty V có mặt bằng đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần B. Buộc Công ty P phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần B tổng số tiền gốc, lãi như nguyên đơn yêu cầu.

Trường hợp Công ty P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại Cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý chi phí tố tụng, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Ngày 12-3-2019, Ngân hàng thương mại Cổ phần B có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần P thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký kết. Địa chỉ trụ sở của bị đơn Lô 23 khu công nghiệp Quảng Phú, phường Quảng Phú, thành phố QNg, tỉnh Q Do đó, Tòa án nhân

dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần B là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.3] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xử lý 03 tài sản thế chấp gồm 01 Máy chiếu PT-LB1EA, 01 hệ thống lò hơi 1.200kg/g-08at và đường ống dẫn hơi, 01 xe nâng hàng, hiệu Mitsubishi FD25 vì hiện nay 03 tài sản nay không còn. Việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Bị đơn vắng mặt tại trụ sở, không rõ địa chỉ trụ sở mới nên Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng trong thời hạn luật định. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[2.2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn*, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ đề nghị của Công ty P, ngày 20-6-2016 giữa Ngân hàng và Công ty P đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2016/4428233/HĐTD cấp hạn mức vay ngắn hạn để Công ty P bổ sung vốn kinh doanh. Thực hiện theo hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn 10 lần, bị đơn đã nhận đủ số tiền vay được thể hiện tại 10 Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể (Hợp đồng tín dụng cụ thể) ngày 10-11-2016; ngày 15-11-2016; ngày 21-11-2016; ngày 25-11-2016; ngày 02-12-2016; ngày 20-12-2016; ngày 10-01-2017; ngày 24-01-2017; ngày 24-4-2017; ngày 26-4-2017. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn trả được cho Ngân hàng tổng tiền gốc và lãi 183.564.988 đồng; trong đó: tiền gốc là 96.949.260 đồng, tiền lãi 86.615.728 đồng.

2.2.1. Xét, khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 10-11-2016: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 420.633.910 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 8,4%/năm, mục đích vay: để trả tiền mua hạt nhựa, trả tiền mua giấy. Bị đơn đã trả được tổng cộng gốc lãi là 117.838.073 đồng, trong đó: tiền gốc 96.949.260 đồng, tiền lãi 20.992.199 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019, bị đơn còn nợ tổng tiền gốc và

lãi 427.297.267 đồng; trong đó: nợ tiền gốc 323.714.650 đồng, nợ lãi trong hạn 1.374.169đồng, nợ lãi quá hạn 102.208.448 đồng.

2.2.2. Xét, khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 15-11-2016: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 270.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 8,4%/năm, mục đích vay: để trả tiền mua hạt nhựa. Bị đơn đã trả được tiền lãi 14.049.000 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019, bị đơn còn nợ tổng tiền gốc và lãi 356.026.500đồng; trong đó: gốc 270.000.000 đồng, lãi trong hạn 1.323.000 đồng, lãi quá hạn 84.703.500 đồng.

2.2.3. Xét, khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 21-11-2016: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 186.432.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 8,4%/năm, mục đích vay: để trả tiền mua hạt nhựa, trả tiền mua mực in. Bị đơn đã trả được tiền lãi 9.439.674 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019 bị đơn còn nợ tổng tiền gốc và lãi 245.745.340 đồng; trong đó: tiền gốc 186.432.000 đồng, lãi trong hạn: 1.087.520 đồng, lãi quá hạn: 58.225.821 đồng.

2.2.4. Xét, khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 25-11-2016: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 230.832.822 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 7,8%/năm, mục đích vay: để trả tiền mua hạt nhựa, trả tiền mua giấy, trả tiền mua điện. Bị đơn đã trả được tiền lãi: 10.652.935đồng. Tính đến ngày 28-11-2019, còn nợ tổng tiền gốc và lãi 298.926.581 đồng trong đó nợ gốc: 230.832.822 đồng, lãi trong hạn: 1.450.399 đồng, lãi quá hạn: 66.643.359 đồng.

2.2.5. Xét, khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể (Hợp đồng tín dụng cụ thể) ngày 02-12-2016: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 265.000.00 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 7.8%/năm, mục đích vay: để trả tiền mua hạt nhựa. Bị đơn đã trả được tiền lãi: 11.827.833 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019, bị đơn còn nợ tổng tiền gốc và lãi 342.943.125 đồng; trong đó: nợ gốc: 265.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.124.416 đồng, lãi quá hạn: 75.818.709 đồng.

2.2.6. Xét, khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 20-12-2016: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 144.970.822 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 7.8%/năm, mục đích vay: trả tiền mua điện, trả tiền mua xăng dầu. Bị đơn đã trả được tiền lãi: 5.905.145 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019 bị đơn còn nợ tổng tiền gốcvafaf lãi 187.311.967 đồng; trong đó: nợ gốc: 144.970.822 đồng, lãi trong hạn: 848.080đồng, lãi quá hạn: 41.493.065 đồng.

2.2.7. Xét, khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 10-01-2017: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 85.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 7.8%/năm, mục đích vay: để trả tiền mua hạt nhựa. Bị đơn đã trả được tiền lãi: 3.075.583 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019 còn nợ tổng tiền gốc và lãi 109.632.292

đồng; trong đó nợ gốc 85.000.000 đồng, nợ tiền lãi trong hạn: 884.000 đồng, lãi quá hạn: 23.748.292 đồng.

2.2.8. Xét, khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 24/01/2017: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 236.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 8,4%/năm, mục đích vay: để trả tiền mua hạt nhựa, trả tiền mua hạt. Bị đơn đã trả được tiền lãi : 8.425.200 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019 còn nợ tổng gốc và lãi 309.266.200đồng; trong đó nợ gốc: 236.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.414.133 đồng, lãi quá hạn: 69.852.067 đồng.

2.2.9. Xét, khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 24-4-2017: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 66.295.160 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 8,516%/năm, mục đích vay: .trả tiền mua xăng dầu, trả tiền mua vòng bi. Bị đơn đã trả được tiền lãi: 1.423.025 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019 còn nợ tổng gốc và lãi 85.722.540 đồng; trong đó nợ gốc: 66.295.160 đồng, lãi trong hạn: 958.995 đồng, lãi quá hạn: 18.468.386 đồng.

2.2.10. Xét, khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 26-4-2017: Ngân hàng cho Công ty P vay số tiền gốc 57.976.496 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất trong hạn 8,516%/năm, mục đích vay: trả tiền mua điện tháng 4-2017, trả tiền mua bảng in. Bị đơn đã trả được tiền lãi: 825.134 đồng. Tính đến ngày 28-11-2019, tổng cộng còn nợ: 75.351.658 đồng; trong đó nợ gốc: 57.976.496 đồng, lãi trong hạn: 1.244.465 đồng, lãi quá hạn: 16.130.697đồng.

Tính đến hết ngày 28-11-2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi của 10 lần nhận nợ theo các Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể nêu trên là 2.438.223.470 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.866.221.950 đồng; nợ lãi: 572.001.520 đồng (gồm: lãi trong hạn là 14.709.177 đồng; lãi quá hạn là 557.292.344 đồng).

Tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại Cổ phần B khởi kiện yêu cầu Công ty P phải trả cho Ngân hàng số tiền tổng gốc lãi là 2.438.223.470 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.866.221.950 đồng; nợ lãi: 572.001.520 đồng (gồm: lãi trong hạn là 14.709.177 đồng; lãi quá hạn là 557.292.344 đồng), là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Xét tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay:*

Để bảo đảm cho khoản vay của bị đơn theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể nêu trên, bị đơn đã thế chấp cho Ngân hàng các loại máy móc, thiết bị theo 03 hợp đồng thế chấp, như sau:

Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2012/HĐ ngày 17-4-2012, bị đơn thế chấp các máy móc, thiết bị, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09-5-2012 tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại thành phố Đà Nẵng, gồm: 01 Hệ thống gia công cải tạo máy dập sóng đáy thành mặt; 01 máy cột dây PE; 01 máy cắt giấy bìa; 01 máy nén khí Fusin; 01 lò hơi 2500Kg/h-8at; 01 máy cán lằn 6 trục khổ 1,7m; 01 đường ống dẫn hơi và nước hồi lưu; 01 máy thổi bao HD PE; 01 máy nén khí 5,5Kw; 01 máy ó tái sinh nhựa 2 cấp; 01 nồi nấu trộn nguyên liệu; 01 máy may; 01 máy nén khí (Japan); 01 máy in 6 màu; 01 máy cắt khổ 1,15m; 01 bộ servo máy cắt may tự động; 01 máy chiếu PT-LB1EA.

Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐ ngày 11-10-2013, thiết bị, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29-10-2013 tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại thành phố Đà Nẵng, gồm: 01 bộ dây chuyền nắp liên hợp, gồm: Bộ máy dập nắp SY-30BY (Huang Guam), bộ máy xếp nắp SY-200 (Huang Guam), bộ máy ép miếng nhựa SD-280A (Huang Guam); 01 bộ khuôn nắp cao (1 ra 16); 02 bộ máy cắt nắp HG-28 (Mega).

Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐ ngày 06-9-2014, đã thế chấp các thiết bị, máy móc, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào 08-9-2014 tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại thành phố Đà Nẵng, gồm: 01 bộ dây chuyền sản xuất carton 3 lớp, 5 lớp hơi nước; 02 bộ máy cán lằn 2m50; 01 bộ máy 4 dao chặt khe; 01 bộ máy quậy hồ; 05 bộ nâng giấy cuộn thủy lực; 01 cây lô sóng TQ Ø 265-280 khổ 1m70 chạy 1m65 sóng B 2.8mm + 2 nhông thép; 01 cây lô láng Ø 320 mài mạ crom cứng; 01 cây lô hồ đầu máy ống trong Ø 245 cán nhám khổ 1m70; 01 cây lô hồ đầu máy ngoài Ø 125 khổ 1m70; 02 cây nhôm đầu máy 1m70 (hút chân không); 01 hệ thống lò hơi 1.200kg/h-08at và đường ống dẫn hơi; 01 máy chỉ; 12 máy dệt; 01 máy ép bành bao PP, hiệu YAOTA; 01 bộ máy thổi PE; 01 máy thổi túi HDPA; 02 bộ xấy phụ Ø 660-710 dài 1m70 + thanh sắt 10 ly + 2 ống Ø 90 dài 1m70 + bạc đạn; 01 bộ máy thổi bình 5 gallon – Trung quốc gồm: 01 máy sấy khô, 01 bộ máy nén khí, 01 bộ khuôn thổi bình 5 gallon, 01 cái đầu lọc khí; 01 bộ khuôn thổi bình 5 gallon lõm Việt Nam; 01 bộ khuôn két thạch bích 20chai – TQ; 01 máy cán màng nước; 01 xe nâng hàng hiệu Mitsubishi FD30; 01 xe nâng hàng hiệu Mitsubishi FD25; 01 máy làm lạnh nước – nước giải nhiệt KLSW-40S.

[3.2] Các Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên giữa Ngân hàng thương mại Cổ phần B với bị đơn đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Thành phố Đà Nẵng nên các hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên có hiệu lực pháp luật tại thời điểm giao kết.

[3.4] Hiện nay, toàn bộ tài sản bị đơn thế chấp cho nguyên đơn đang để ở tại Lô số 23 khu công nghiệp Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Công ty V đang quản lý mặt bằng. Trong quá trình quản lý, Công ty V đã tự ý sử dụng 03 thiết bị, máy móc của Công ty P gồm: 01 máy thổi bao HD PE, 01 máy thổi bao PE, 01 máy thổi túi HDPA, khi sử dụng máy móc thiết bị Công ty V không hỏi ý kiến của Ngân hàng và hiện nay

Công ty V đã cho dừng hoạt động các máy móc thiết bị này. Trong quá trình quản lý, sử dụng Công ty V không có thay mới, sửa chữa thiết bị cũng như không làm hư hỏng, mất mác thiết bị nào. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn, trường hợp bị đơn không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Công ty V đồng ý giao toàn bộ máy móc thiết bị nêu trên để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là phù hợp.

[4.] *Về xử lý tài sản thế chấp:*

Tại khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐ ngày 17/04/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/HĐ ngày 11-10-2013 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/HĐ ngày 06-9-2014 quy định: *"1. Các trường hợp xử lý tài sản thế chấp: a) Đến hạn thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng và/hoặc hợp đồng cấp bảo lãnh mà bên được bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ;…"*.

Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo những nội dung các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên để thu hồi nợ, là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần P phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần B cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì Ngân hàng thương mại Cổ phần B phải trả lại cho bên thế chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

[5]. Đối với số tiền 700.000.000đồng Công ty V đã chuyển cho Công ty P để mua những máy móc, thiết bị mà Công ty P đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP B, số tiền này Công ty V trình bày cho Công ty P mượn và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 2.000.000đồng và đã chi phí xong nên buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.000.000đồng.

[7] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền mà bị đơn phải trả cho Ngân hàng là [72.000.000 đồng + 2 % x (2.438.223.470 đồng - 2.000.000.000 đồng)] = 80.764.469 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 157, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 342, 343, 355, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần B.

2. Buộc Công ty Cổ phần P phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần B tổng số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-11-2019) là 2.438.223.470 đồng (hai tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 1.866.221.950 đồng; nợ lãi: 572.001.520 đồng (gồm: lãi trong hạn là 14.709.177 đồng; lãi quá hạn là 557.292.344 đồng), cụ thể:

2.1. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 10-11-2016: Tổng nợ tiền gốc và lãi 427.297.267 đồng; trong đó: nợ tiền gốc 323.714.650 đồng, nợ lãi trong hạn 1.374.169đồng, nợ lãi quá hạn 102.208.448 đồng.

2.2. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 15-11-2016: Tổng gốc lãi 356.026.500đồng; trong đó: gốc 270.000.000 đồng, lãi trong hạn 1.323.000 đồng, lãi quá hạn 84.703.500 đồng.

2.3. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 21-11-2016: Tổng nợ gốc lãi 245.745.340 đồng; trong đó: tiền gốc 186.432.000 đồng, lãi trong hạn: 1.087.520 đồng, lãi quá hạn: 58.225.821 đồng.

2.4. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 25-11-2016: tổng nợ gốc, lãi 298.926.581 đồng; trong đó nợ gốc: 230.832.822 đồng, lãi trong hạn: 1.450.399 đồng, lãi quá hạn: 66.643.359 đồng.

2.5. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 02-12-2016: Tổng nợ gốc, lãi 342.943.125 đồng; trong đó: nợ gốc: 265.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.124.416 đồng, lãi quá hạn: 75.818.709 đồng.

2.6. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 20-12-2016: Tổng nợ gốc, lãi 187.311.967 đồng; trong đó: nợ gốc: 144.970.822 đồng, lãi trong hạn: 848.080đồng, lãi quá hạn: 41.493.065 đồng.

2.7. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 10-01-2017: Tổng nợ gốc, lãi 109.632.292 đồng; trong đó nợ gốc 85.000.000 đồng, nợ tiền lãi trong hạn: 884.000 đồng, lãi quá hạn: 23.748.292 đồng.

2.8. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 24-01-2017: Tổng nợ gốc, lãi: 309.266.200đồng; trong đó nợ gốc: 236.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.414.133 đồng, lãi quá hạn: 69.852.067 đồng.

2.9. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 24-4-2017: Tổng nợ gốc, lãi 85.722.540 đồng; trong đó nợ gốc: 66.295.160 đồng, lãi trong hạn: 958.995 đồng, lãi quá hạn: 18.468.386 đồng.

2.10. Khoản nợ theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 26-4-2017: Tổng nợ gốc, lãi 75.351.658 đồng; trong đó nợ gốc: 57.976.496 đồng, lãi trong hạn: 1.244.465 đồng, lãi quá hạn: 16.130.697đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29-11-2019), Công ty Cổ phần P còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể (Hợp đồng tín dụng cụ thể) ngày 10-11-2016; ngày 15-11-2016; ngày 21-11-2016; ngày 25-11-2016; ngày 02-12-2016; ngày 20-12-2016; ngày 10-01-2017; ngày 24-01-2017; ngày 24-4-2017; ngày 26-4-2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

4. Trường hợp Công ty Cổ phần P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại Cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là các máy móc, thiết bị đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ, gồm:

Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2012/HĐ ngày 17-4-2012, gồm:

01 Hệ thống gia công cải tạo máy dập sóng đáy thành mặt; 01 máy cột dây PE; 01 máy cắt giấy bìa; 01 máy nén khí Fusin; 01 lò hơi 2500Kg/h-8at; 01 máy cán lằn 6 trục khổ 1,7m; 01 đường ống dẫn hơi và nước hồi lưu; 01 máy thổi bao HD PE; 01 máy nén khí 5,5Kw; 01 máy ó tái sinh nhựa 2 cấp; 01 nồi nấu trộn nguyên liệu; 01 máy may; 01 máy nén khí (Japan); 01 máy in 6 màu; 01 máy cắt khổ 1,15m; 01 bộ servo máy cắt may tự động.

Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐ ngày 11-10-2013, gồm:

01 bộ dây chuyền nắp liên hợp, gồm: Bộ máy dập nắp SY-30BY (Huang Guam), bộ máy xếp nắp SY-200 (Huang Guam), bộ máy ép miếng

nhựa SD-280A (Huang Guam); 01 bộ khuôn nắp cao (1 ra 16); 02 bộ máy cắt nắp HG-28 (Mega).

Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐ ngày 06-9-2014, gồm:

01 bộ dây chuyền sản xuất carton 3 lớp, 5 lớp hơi nước; 02 bộ máy cán lằn 2m50; 01 bộ máy 4 dao chặt khe; 01 bộ máy quậy hồ; 05 bộ nâng giấy cuộn thủy lực; 01 cây lô sóng TQ Ø 265-280 khổ 1m70 chạy 1m65 sóng B 2.8mm + 2 nhông thép; 01 cây lô láng Ø 320 mài mạ crom cứng; 01 cây lô hồ đầu máy ống trong Ø 245 cán nhám khổ 1m70; 01 cây lô hồ đầu máy ngoài Ø 125 khổ 1m70; 02 cây nhôm đầu máy 1m70 (hút chân không); 01 máy chỉ; 12 máy dệt; 01 máy ép bành bao PP, hiệu YAOTA; 01 bộ máy thổi PE; 01 máy thổi túi HDPA; 02 bộ xấy phụ Ø 660-710 dài 1m70 + thanh sắt 10 ly + 2 ống Ø 90 dài 1m70 + bạc đạn; 01 bộ máy thổi bình 5 gallon – Trung quốc gồm: 01 máy sấy khô, 01 bộ máy nén khí, 01 bộ khuôn thổi bình 5 gallon, 01 cái đầu lọc khí; 01 bộ khuôn thổi bình 5 gallon lõm Việt Nam; 01 bộ khuôn két thạch bích 20chai – TQ; 01 máy cán màng nước; 01 xe nâng hàng hiệu Mitsubishi FD30; 01 máy làm lạnh nước – nước giải nhiệt KLSW-40S.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần P phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần B cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì Ngân hàng thương mại Cổ phần B phải trả lại cho bên thế chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh Bao bì V giao toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên cho Ngân hàng thương mại Cổ phần B để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty Cổ phần P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng (hai triệu đồng). Ngân hàng thương mại Cổ phần B đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng) và đã chi phí xong nên buộc Công ty Cổ phần P phải trả lại cho Ngân hàng thương mại Cổ phần B số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

7. Về án phí:

7.1. Công ty Cổ phần P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 80.764.469 đồng (tám mươi triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi chín đồng).

7.2. Ngân hàng thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần B số tiền tạm ứng án phí 38.267.587đồng (ba mươi tám triệu, hai trăm sáu mươi bảy ngàn, năm trăm tám mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001135 ngày 03-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QNg, tỉnh Q

8. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên

án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Loan